

UBND HUYỆN THỦ THỪA  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PGDDĐT  
V/v triển khai công tác trẻ em  
năm 2021

Thủ Thừa, ngày tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các Trường Tiểu học;
- Hiệu trưởng các Trường Trung học sơ sở;
- Hiệu trưởng Trường TH&THCS Tân Thành.

Thực hiện Công văn số 1436/SGDDĐT-GDTrH ngày 26/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v triển khai công tác trẻ em năm 2021;

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai đến thủ trưởng các đơn vị trường học, nội dung cụ thể như sau:

1. Thủ trưởng các đơn vị trường học, cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của các ngành, địa phương để triển khai thực hiện nội dung về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em:

- Văn bản của Trung ương: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Luật Trẻ em, Nghị quyết số 121//2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em, Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án về trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Văn bản của UBND tỉnh: Công văn số 3577/UBND-VHXXH ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân tỉnh Long An về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; Kế hoạch số 865/KH-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh Long An,...

- Văn bản của Sở GD&ĐT: Công văn số 2050/SGDDĐT-GDTrH ngày 25/6/2020 của Sở GD&ĐT về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; Kế hoạch số 870/KH-SGDĐT ngày 08/4/2021 của Sở GD&ĐT về thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021 – 2030,...

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, các tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trường học, cơ sở giáo dục trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em, vụ việc vi phạm

quyền trẻ em. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại, tai nạn thương tích.

3. Bố trí cán bộ, giáo viên thực hiện công tác trẻ em tại đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục, thực hiện công tác bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em. Bảo đảm có đội ngũ làm công tác xã hội bảo vệ trẻ em trong đơn vị trường học. Nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác trẻ em và thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp.

4. Tham mưu các cấp quản lý bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp của chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em của ngành Giáo dục, của địa phương. Vận động và sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho trẻ em, đặc biệt để hỗ trợ cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em. Ưu tiên bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em.

5. Duy trì, phát triển, nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, đặc biệt là tai nạn đuối nước và tai nạn giao thông; phòng ngừa giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật, đặc biệt trong khu vực kinh tế phi chính thức; hỗ trợ trẻ em khuyết tật; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Khuyến khích, biểu dương, nhân rộng những mô hình, điển hình, những sáng kiến tốt trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và đóng góp nguồn lực cho trẻ em.

6. Các đơn vị trường học, cơ sở giáo dục tăng cường truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, đặc biệt về chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em; bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, bóc lột trẻ em; phòng ngừa tai nạn, thương tích trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em. Đa dạng sản phẩm và các hình thức truyền thông, giáo dục vận động xã hội để phù hợp với các nhóm đối tượng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tư vấn, hướng dẫn cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, gia đình và truyền thông trực tiếp đến gia đình, đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở chăm sóc trẻ em; thông tin truyền thông trên hệ thống phát thanh, truyền thông trên môi trường mạng, bảng thông báo, bản tin,... Truyền thông, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111); hướng dẫn việc phát hiện, thông báo, tố giác hành vi, trường hợp, nguy cơ trẻ em bị xâm hại đến Tổng đài 111 và các cơ quan có thẩm quyền.

7. Thường xuyên theo dõi, thanh tra, kiểm tra liên ngành và kiểm tra chuyên đề việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em, đặc biệt việc triển khai Nghị quyết số 121//2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em. Kiểm tra, rà soát các biện pháp bảo đảm môi

trường sống an toàn, phòng ngừa bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục trẻ em và tai nạn thương tích, đặc biệt đuối nước trẻ em.

8. Đẩy mạnh hoạt động phối hợp liên ngành thực hiện công tác trẻ em giữa các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và cơ quan tư pháp trong phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc xâm hại và gây tổn hại khác cho trẻ em.

9. Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em các cấp, Tết Trung thu năm 2021 với chủ đề “Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh”. Tăng cường truyền thông, thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó để bảo vệ trẻ em kịp thời trong bối cảnh đại dịch COVID-19 luôn có nguy cơ bùng phát.

10. Phối hợp thực hiện trách nhiệm các tổ chức thành viên về thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em. Thực hiện và nhân rộng phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Gắn kết tiêu chí về thực hiện quyền trẻ em, lồng ghép và triển khai thực hiện các chỉ tiêu về trẻ em, tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em với đánh giá nông thôn mới, đô thị văn minh.

11. Duy trì, phát triển cơ sở dữ liệu về trẻ em. Thu thập thông tin, thống kê về tình hình trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị tai nạn thương tích. Tổng hợp chỉ số thực hiện quyền trẻ em tại đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục (khi có yêu cầu) để bảo đảm đánh giá, xếp hạng địa phương về thực hiện quyền trẻ em chính xác, khách quan.

#### 12. Báo cáo

- Phòng GD&ĐT đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trường tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện và triển khai thực hiện tại đơn vị.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về công tác trẻ em giữa các cấp quản lý và chế độ báo cáo được giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em.

- Báo cáo năm ***trước ngày 30/10/2021***. (theo mẫu Báo cáo và phụ lục kèm theo). Các báo cáo (bản mềm, văn bản giấy) gửi về Bộ phận Tiểu học, phòng GD&ĐT qua địa chỉ email: [phonggdth.thuthua@gmail.com](mailto:phonggdth.thuthua@gmail.com) (Các phụ lục 1,2,3 đề nghị Hiệu trưởng các trường trong cùng địa bàn xã, thị trấn thống nhất giáo viên PCGD báo cáo để có số liệu chung trong địa bàn, gửi kèm báo cáo)

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị trường học nghiêm túc triển khai thực hiện những nội dung nêu trên./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng, Phó phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, GDTH.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Trần Thị Kim Nhân**

## BÁO CÁO

### Kết quả công tác trẻ em năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022

---

#### I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương, đơn vị.
2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

#### II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em.
2. Công tác bảo vệ trẻ em.
3. Công tác chăm sóc trẻ em.
4. Công tác giáo dục trẻ em.
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em.
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội
8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em
9. Kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em
10. Phần số liệu theo phụ lục.

#### III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với năm 2020.
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

#### IV. Kế hoạch năm 2022

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phụ lục 1

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM****Đơn vị:.....**

Stt	Chỉ tiêu, mục tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỉ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/Tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỉ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/Tổng dân số	%	
3	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỉ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi dưới 6 tuổi/Tổng dân số	%	
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em, từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em</b>		
1	Cấp huyện ? cấp xã ?	Người	
2	Trong đó: Chuyên trách? Kiêm nhiệm ?	Người	
3	Cộng tác viên ?	Người	
<b>IV</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp và số cộng tác viên làm công tác trẻ em được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	

2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp và số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương. Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Chương trình	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/Sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn, giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>VII</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Số diễn đàn trẻ em	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
<b>VIII</b>	<b>Tết Trung thu cho trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	

4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	

**Người lập biểu**

.....ngày .....tháng .....năm 2021

**Lãnh đạo phê duyệt**

Phụ lục 2

**THỐNG KÊ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM****Đơn vị:.....**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2021</b>
1	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý	Người	
2	Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
3	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

**Người lập biểu**

.....ngày .....tháng .....năm 2021

**Lãnh đạo phê duyệt**





	cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống người thân thích								
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi								
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội								
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật								
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng								
3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.4	Trẻ em có cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật								

3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em								
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội								
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em								
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật								

3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em								
<b>4</b>	<b>Trẻ em khuyết tật</b>								
4.1	Trẻ em khuyết tật nặng								
4.2	Trẻ em khuyết tật nhẹ								
4.3	Các dạng tật								
	- Trẻ em khuyết tật vận động								
	- Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	- Trẻ em khuyết tật nhìn								
	- Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	- Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	- Trẻ em khuyết tật khác								
	+ Trong đó: trẻ em tự kỷ								
<b>5</b>	<b>Trẻ em nhiễm HIV/AIDS</b>								
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích								
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
<b>6</b>	<b>Trẻ em vi phạm pháp luật</b>								
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp								

	xử lý hành chính								
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc								
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm								
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm								
11.3	Trẻ em bị giao cấu								
11.4	Trẻ em bị dâm ô								
12	Trẻ em bị mua bán								
13	Trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo								
13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc								

	bệnh phải điều trị dài ngày								
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
14.1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
14.2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc								
14.3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam								
<b>III</b>	<b>Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt</b>								
<b>Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:</b>									
<b>1</b>	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo								
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
<b>2</b>	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)								
<b>3</b>	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)								
<b>4</b>	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia								

	đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (Trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
<b>IV</b>	<b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác</b>								
<b>Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:</b>									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó số trẻ em tử vong do đuối nước								

**Người lập biểu**

.....ngày .....tháng .....năm 2021

**Lãnh đạo phê duyệt**